

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 03-6-2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huyền.

2. Ông Doanh Thiêm Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tắm.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1986 - Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hà Văn B, sinh năm 1984 – Địa chỉ thường trú: Tổ X, phường Y, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1962 – Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt có lý do).

2. Bà La Thị N, sinh năm 1962 – Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 22/01/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua yêu đương, tìm hiểu và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 03/12/2014. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của chị T và anh B hòa thuận và hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2015, nguyên nhân là do anh Biểu lười lao động, không chịu giúp đỡ gia đình, vợ con gây ra những lần cãi cọ, anh B đã nhiều lần có hành vi bạo hành gia đình, đánh đập chị T, những lần đầu chị T vì nghĩ đến hai con và được bố mẹ đẻ của mình khuyên bảo nên chị nhẫn nhịn và bỏ qua cho anh B và không làm đơn ly hôn. Tuy nhiên, anh B vẫn chứng nào tật nấy, đỉnh điểm mâu thuẫn là đến đêm ngày 27/12/2020 cũng chỉ vì cãi cọ qua lại như mọi lần anh B lại có hành vi đánh chị T gây sưng đau, bầm tím ở mặt và tay, chị T đã đề nghị Công an xã B can thiệp, giải quyết. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân của hai người không hạnh phúc, nếu níu kéo chỉ khổ cho chị vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Hà Văn B.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hà T N, sinh ngày 07/11/2015 và cháu Hà M T, sinh ngày 09/02/2018 (các cháu đều giới tính nữ, khỏe mạnh và phát triển bình thường). Ly hôn, chị T có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Hà T N và cháu Hà M T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn B trình bày:

Anh Hà Văn B và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 03/12/2014. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của anh Biểu và chị Thảo hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ đêm 27/12/2020 nguyên nhân là do con thứ hai của hai anh chị khóc, chị T có quát mắng cháu, anh B ngủ ở phòng bên cạnh nghe thấy và có nói với chị T là nửa đêm còn đi quát mắng con làm gì. Chị T quay sang chửi anh B, anh B thấy bức xúc nên sang phòng chị thảo tát chị T hai cái vào đầu và mặt rồi về phòng ngủ tiếp. Sau đó chị T có làm đơn ly hôn với anh B. Quá trình giải quyết vụ án, tại các bản khai và tại các phiên hòa giải, anh B cho rằng vợ chồng vẫn chung sống bình thường, không có mâu thuẫn lớn xảy ra và vợ chồng, vẫn cùng có trách nhiệm với gia đình. Nay chị Thảo có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn với chị T. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh đồng ý với yêu cầu của chị T, nhất trí thuận tình ly hôn với chị Hoàng Thị T

Về con chung: Anh xác nhận tình trạng con chung như chị T trình bày, tuy nhiên tại phiên tòa anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Anh Hà Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Hà Văn B đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, anh B đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ như có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, có bản tự khai. Quá trình giải quyết vụ án, sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tài liệu cụ thể như sau:

Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn giữa chị T và anh B. Cụ thể tại các biên bản xác minh sau:

- Ngày 15/3/2021, bà Nông Thu H - Công chức tư pháp hộ tịch xã B xác nhận: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1986, trú tại: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn và anh Hà Văn B, hộ khẩu thường trú tại tổ X, phường Y, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Chị T và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tại số 29/2014, quyển số 1, ngày đăng ký là ngày 03/12/2014. Quá trình chung sống chị T và anh B có 02 con chung tên là Hà T N, sinh ngày 07/11/2015 tại Giấy khai sinh số 88, Quyển số I ngày tháng năm đăng ký là ngày 17/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan cấp cho cháu Hà T N đều có tên chị T và anh B trong giấy khai sinh của con và cháu Hà M T, sinh ngày 09/12/2018 tại số 09, ngày tháng năm đăng ký là ngày 05/3/2018 đều có tên chị T và anh B trong giấy khai sinh của con. Quá trình chung sống Tư pháp xã cũng có nắm thông tin là có đánh đập nhau tuy nhiên nhà ở xa trung tâm nên chị T không gọi chính quyền thôn để giải quyết. Tuy nhiên, có một lần anh B đánh đập chị T thì chị T có lên Công an xã để yêu cầu giải quyết. Về điều kiện kinh tế, qua thăm nắm thì chị T và anh B con còn nhỏ, tuy nhiên Tư pháp xã không nắm được chị T và anh B có tài sản chung hay nợ chung.

- Tại biên bản lấy lời khai của bà La Thị N, mẹ đẻ của chị Hoàng Thị T trình bày: Sau khi kết hôn thì chị T và anh B thường xuyên sinh sống tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình sinh sống thì giữa chị T và anh B có mâu thuẫn, anh B là người lười lao động, thường xuyên tụ tập rượu chè, anh B cũng có thời gian đi làm thuê nhưng không gửi tiền giúp chị T nuôi con và phụ giúp các công việc trong gia đình. Chị T thường xuyên phải tự lo mọi thứ trong gia đình. Anh B cũng nhiều lần nóng giận đã đánh chị T vài lần, bà N cũng không muốn gọi trưởng thôn vì cũng không muốn làm to chuyện nên gia đình bà cũng không thông báo chính quyền thôn nữa cũng là tạo điều kiện cho anh B sửa chữa lỗi lầm. Tuy nhiên anh B vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Con chung của chị T và anh B hiện nay đang sống với chị T, chị T thường xuyên đưa đón cháu lớn đi học tại xã B, còn cháu bé thì bà N chăm sóc hộ khi chị T đi làm. Anh B thường xuyên không ở nhà để chăm sóc con, cứ đi mấy hôm rồi lại về rồi lại đi tiếp, bà không biết anh B đi đâu.

- Ngày 19/3/2021, tại biên bản lấy lời khai ông Hoàng Văn T - bố đẻ của chị Hoàng Thị T trình bày: Quá trình chung sống giữa chị T và anh B ông nhận thấy có nhiều lần xảy ra cãi vã, to tiếng. Tuy nhiên, nhà của chị T lại biệt lập, cách xa hàng xóm nên người trong thôn cũng không biết, gia đình ông cũng không muốn làm to chuyện vì nghĩ thương hai cháu nhỏ, muốn hai vợ chồng bình tĩnh rồi thay đổi. Tuy nhiên anh B là người lười lao động, không chăm sóc vợ con, chưa bao giờ gánh vác việc gì giúp vợ, một mình chị T nuôi con nên cuộc sống gia đình chị T rất ngột ngạt,

khó chịu. Có lần con chị T và anh B khóc, hai vợ chồng giận nhau rồi anh B có tát chị T gây bầm tím mặt và đã lên Công an xã để giải quyết.

- Ngày 19/3/2021, tại biên bản lấy lời khai anh Nông Văn C - Công an viên thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xác nhận chị T và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Anh B là người không có việc làm và cũng không có hộ khẩu tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình sinh sống tại thôn thì Công an viên cũng có nghe nói giữa anh B và chị T có xảy ra cãi vã, xô xát và đã được Công an xã B lập biên bản. Tuy nhiên Công an viên cũng không biết cụ thể sự việc do nhà chị T cách xa những nhà khác và khi xảy ra mâu thuẫn không báo cáo gì với thôn.

- Ngày 19/3/2021, chị Triệu Thị T – Trưởng thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xác nhận: Chị T và anh B sinh sống tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Chị T công tác tại Trạm y tế xã B còn anh Hà Văn B là lao động tự do, thường xuyên không ở nhà và cũng không tham gia các buổi sinh hoạt tại thôn, Chính quyền thôn cũng có nghe nói là chị T và anh B cũng có lần xảy ra mâu thuẫn, xô xát và có báo cáo để chính quyền xã giải quyết. Tuy nhiên, thôn chưa được giải quyết mâu thuẫn lần nào giữa chị T và anh B và cũng không nhận được phản hồi về việc mâu thuẫn giữa chị T và anh B.

- Tại Biên bản xác minh ngày 19/5/2021 với Địa chính phường Y, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xác nhận: Anh Hà Văn B có tài sản là thửa đất số 27 tờ bản đồ số 40 (BĐDC năm 2015), diện tích 840,9m². Mục đích sử dụng đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC). Đã được Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2020.

Do các bên đương sự không thống nhất thỏa thuận được toàn bộ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, vì vậy Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T đối với bị đơn Hà Văn B về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của hai bên đương sự, tuyên bố chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hà Văn B.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hà T N và cháu Hà M T cho nguyên đơn chị Hoàng Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ lời khai của nguyên đơn, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hà Văn B đã có bản tự khai tại Tòa án và có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 18/3/2021, có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/3/2021, tuy nhiên anh B không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T. Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã thực hiện việc thu thập chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật qua việc nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua yêu đương, tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 03/12/2014, do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của hai người là hợp pháp. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng chị T và anh B chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2015, nguyên nhân là do anh B lười lao động, không chịu giúp đỡ gia đình, vợ con dẫn đến gia đình phát sinh những bất đồng, hai vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, anh B đã đánh đập chị T nhiều lần, những lần đầu chị T còn tha thứ vì nghĩ đến hai con và được bố mẹ chị T khuyên bảo nên không làm đơn ly hôn. Nhưng anh B vẫn chứng nào tật nấy, định

điểm của mâu thuẫn là đến đêm ngày 27/12/2020 do con thứ hai của anh B chị T khóc, chị T có quát mắng cháu, anh B ngủ ở phòng bên cạnh nghe thấy và có nói với chị T là nửa đêm còn đi quát mắng con làm gì. Chị T quay sang chửi anh B, anh B thấy bức xúc nên sang phòng chị thảo tát chị T hai cái vào đầu và mặt rồi về phòng ngủ tiếp, do anh B đánh nên chị T bị sưng đau, bầm tím ở mặt và tay. Công an xã đã gọi anh B lên làm việc, anh B đã viết bản kiểm điểm và hứa sẽ sửa chữa sai lầm không lặp lại việc đánh chị T nữa. Tuy nhiên, chị T cho rằng đời sống vợ chồng đã căng thẳng, không khí gia đình rất ngột ngạt, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị T đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh B. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, anh B cũng nhất trí với yêu cầu của chị T và đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy sự nguyện ly hôn của các bên là phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội do vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận này của các bên đương sự, tuyên xử cho các bên được ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

Quá trình chung sống, vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn B có hai người con chung là cháu Hà T N, sinh ngày 07/11/2015 và cháu Hà M T, sinh ngày 09/2/2018 (các cháu đều là giới tính nữ, khỏe mạnh và phát triển bình thường). Ly hôn, nguyên đơn chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn B đều có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Hà T N và Hà M T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự không thống nhất thỏa thuận được vấn đề nuôi con chung. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và qua xác minh, thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay các cháu N và T đang sinh sống và học tập từ nhỏ tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, cùng cả với bố và mẹ. Tuy nhiên, bản thân anh B làm nghề cơ khí tự do, số lượng công việc cũng thất thường, không có việc làm cũng như thu nhập ổn định, do tính chất công việc, mỗi khi có việc làm, thì anh B thường xuyên không hay ở nhà. Ngoài ra, anh cũng không có hộ khẩu thường trú và cũng không đăng ký tạm trú tại xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Còn chị T hiện nay đang là Y sĩ đa khoa công tác tại Trạm Y tế xã B, với mức thu nhập là hơn 10.000.000 đồng/tháng, chị công tác trong ngành từ năm 2011, và với việc làm, có nhà ở và thu nhập ổn định, hết giờ làm việc chị còn chăn nuôi và tăng gia sản xuất tại nhà cho nên cũng kiếm thêm được thu nhập khác, ngoài ra từ nhỏ các cháu đã sống cùng với mẹ, chủ yếu do mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng nên các cháu đã quen với sự chăm sóc, môi trường và nếp sinh hoạt hiện tại. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, xét về điều kiện về kinh tế và thời gian để đảm bảo chăm sóc các cháu thì giao con chung cho chị Hoàng Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu là phù hợp với thực tế và điều kiện khách quan của hai người, phù hợp với nguyện vọng chính đáng của đương sự, và nó cũng không làm thay đổi nếp sinh hoạt và môi trường học tập của các cháu. Ngoài ra, các cháu đều là nữ, vì vậy nếu để các cháu chung sống với mẹ thì sẽ đảm bảo hơn về điều kiện tinh thần, sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý cho các cháu Hà T N và Hà M T. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn chị Hoàng Thị T, giao con chung của hai bên đương sự cho nguyên đơn chị Hoàng Thị T là người trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bị đơn anh Hà Văn B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2.4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T đối với bị đơn anh Hà Văn B về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, tuyên bố nguyên đơn chị Hoàng Thị T được ly hôn với bị đơn anh Hà Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hà T N (giới tính: Nữ), sinh ngày 07/11/2015 và cháu Hà M T (giới tính: Nữ), sinh ngày 09/02/2018 (các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Hoàng Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của hai người cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

5. Về án phí:

Nguyên đơn Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Hoàng Thị T đã nộp theo biên lai thu số 08221, ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn. Xác nhận chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Hoàng Thị T và bị đơn anh Hà Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Công

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Huyền

La Thị Nhung

Nguyễn Thái Công